

Số: 487 /GPMT-UBND

Bình Thuận, ngày 17 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia tại Công văn số 4335/EVNNPT-ĐT ngày 10 tháng 11 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 63/TTr-STNMT ngày 09 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, địa chỉ tại Số 18 Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trạm biến áp 220 kV Hàm Thuận Nam và đấu nối tại xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Trạm biến áp 220 kV Hàm Thuận Nam và đấu nối.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0102743068 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 11 năm 2020 (Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia).
- 1.4. Mã số thuế: 0102743068.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: vận hành Hệ thống truyền tải điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích đất thu hồi: 46.662,8 m² (phần trạm: 46.154 m²; phần móng trụ: 508,8 m²).
- Diện tích đất nằm trong hành lang tuyến không thu hồi: 26.353 m².
- Quy mô:
 - + Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - + Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.
 - + Quy mô hoạt động: Xây dựng mới trạm biến áp với diện tích 46.154 m², công suất gồm 02 máy biến áp: 220/110 kV-250 MVA. Giai đoạn này lắp 2x250 MVA, dự kiến đưa vào vận hành năm 2024. Xây dựng mới 02 tuyến đường dây 220 kV 02 mạch để đấu nối vào TBA 220 kV Hàm Thuận Nam (chiều dài mỗi đoạn tuyến dài 55 m), điểm đầu đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 02 mạch 220 kV Phan Thiết – Hàm Tân hiện hữu tại khoảng cột 70HH-71HH - điểm cuối tại cột cổng 220 kV trạm 220 kV Hàm Thuận Nam.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 17 tháng 3 năm 2023 đến ngày 16 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Thuận Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Hàm Thuận Nam;
- Phòng TN&MT huyện Hàm Thuận Nam;
- Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Anh Dũng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 487 /GPMT-UBND ngày 17 /3/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

Nước thải sinh hoạt phát sinh với khối lượng nhỏ được thu gom, xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ (xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn) và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định; không xả nước thải chưa xử lý sơ bộ ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 2,7 m³/ngày.đêm, với mạng lưới thu gom từ âu tiêu, xí tại khu nhà vệ sinh bằng đường ống PVC Ø114 mm dẫn vào ngăn 1, sau đó nước thải theo ống PVC Ø90 mm tự chảy qua ngăn 2, ngăn 3 của bể tự hoại để lưu chứa.

- Dòng nước thải: Không có.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nguồn phát sinh nước thải → Hàm tự hoại 03 ngăn → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý.

- Công trình xử lý:

Bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích 6,0 m³, kích thước D x R x H = 3,0 x 2,0 x 1,0m và được xây bằng gạch trát vữa xi măng để chống thấm.

- Hóa chất sử dụng: không.

- Vị trí công trình xử lý: X = 1.201.773,35; Y = 434.796,77 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3°).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí hạ tầng, thiết bị chứa nước thải tạm thời bảo đảm chống tràn, đổ, rò rỉ ra môi trường xung quanh.

- Khi xảy ra sự cố đối với nước thải, tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục, cải tạo công trình xử lý, đồng thời báo với cơ quan có chức năng để phối hợp, quản lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chuyên giao nước thải theo quy định.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 487 /GPMT-UBND ngày 17 /3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Máy biến áp 220kV (đặt tại sân trạm).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.201.920,83; Y = 434.636,77.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các thiết bị chủ yếu gây ồn như hệ thống làm mát, bơm dầu trong máy biến áp phải được giám sát thường xuyên, đảm bảo mức ồn cho phép theo Quy định. Trường hợp hệ thống làm mát, bơm dầu xảy ra sự cố phải thực hiện các biện pháp thay thế, sửa chữa theo Quy định của ngành điện để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 487 /GPMT-UBND ngày 17 /3/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (NH), chất thải công nghiệp phải được kiểm soát (KS) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	1-2
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	16 01 13	2-3
3	Pin	Rắn	16 01 12	1-2
4	Ắc quy thải			5-8
5	Giẻ lau dầu	Rắn	18 02 01	2-3
6	Hộp mực in thải	Rắn	18 01 03	09
7	Dầu cách điện thải khi sự cố	Lỏng	17 03 03	53.400 (trường hợp sự cố)
Tổng cộng				14-22

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 10	20-30
2	Thiết bị điện hư hỏng	16 01 13	30
TỔNG CỘNG			50-60

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	12
TỔNG CỘNG		12

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải được kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa dung tích 120 lít và 200 lít, có nắp đậy, có dán nhãn, mã số chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa riêng tại phòng lưu chứa đặt trong nhà điều hành.

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao quanh, có mái che, nền trát vữa chống thấm nước, cửa ra vào có gờ cao ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong kho, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định, có bố trí các dụng cụ ứng phó sự cố (tiêu lệnh chữa cháy, bình chữa cháy, thùng chứa cát, xẻng, ...).

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải nguy hại phát sinh tại trạm theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Máy móc, thiết bị, dụng cụ hư hỏng trong quá trình hoạt động của trạm được thu gom về kho chứa đặt tại trạm.

2.2.2. Kho lưu chứa: Kho chứa có kích thước L x B x H=3,0 x 3,0 x 4,0m.

- Diện tích: 9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao quanh, có mái che, nền bê tông.

- Biện pháp xử lý:

+ Tất cả thiết bị máy móc hư hỏng được thu hồi về Công ty Truyền tải điện 4 để bảo trì, sửa chữa hoặc đầu thầu thanh lý.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải thông thường phát sinh tại trạm theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường

năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại vị trí nhà điều hành, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ: Bố trí thùng rác có dung tích 20 – 30 lít. Tổng số thùng rác đầu tư khoảng 10 thùng.

- Tại vị trí công trạm: Bố trí 02 thùng đựng rác có dung tích khoảng 500 lít, một thùng chứa chất thải hữu cơ, một thùng chứa các loại chất thải khác.

2.3.2. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại trạm theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các quy định tại Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 487 /GPMT-UBND ngày 17 /3/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy,... theo quy định hiện hành. Đồng thời, tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ./.